

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU,  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DS-ST  
Ngày: 02-02-2021  
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Trương Thanh Quốc

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Huỳnh Minh Bền.

2. Ông Ngô Hoàng Sơn.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Trần Đình Chương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 01, 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 422/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 971/2020/QĐXX - ST ngày 29 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Minh D, sinh năm 1975.

Bà Huỳnh Thị N, sinh năm: 1981.

Cùng nơi cư trú: Số 274, đường T, khóm 4, phường 6, thành phố C, tỉnh C (Có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Mười M, sinh năm: 1970.

Bà Mai Yến N2, sinh năm: 1972.

Cùng nơi cư trú: Số 201, đường L, khóm 8, phường 8, thành phố C, tỉnh C (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Võ Minh D và bà Huỳnh Thị N trình bày:*

Ngày 03/11/2017 (dương lịch), vợ chồng ông bà có cho vợ chồng ông Trần Mười M và bà Mai Yến N2 vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn vay 36 tháng, có lập hợp đồng vay tiền. Ngày 07/11/2017 (dương lịch), vợ chồng ông bà tiếp tục cho ông M, bà N2 vay thêm số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn vay 36 tháng, có làm biên nhận nợ. Để đảm bảo khoản vay trên, thì ông M, bà N2 có thể chấp cho vợ chồng ông bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông M, bà N2 đứng tên. Tuy nhiên,

đến ngày 21/11/2017, ông M, bà N2 đã mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Trong quá trình vay, ông M, bà N2 đã đóng lãi được nhiều lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng. Vợ chồng ông, bà đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu ông M, bà N2 thanh toán nợ cho ông, bà nhưng ông M, bà N2 nhiều lần hứa hẹn nhưng không thanh toán. Tại đơn khởi kiện, ông bà yêu cầu ông M, bà N2 trả cho vợ chồng ông bà tổng số tiền 320.600.000 đồng nhưng tại phiên Tòa ông bà chỉ yêu cầu ông M, bà N2 trả tổng số tiền 280.000.000 đồng Trong đó, tiền vốn 250.000.000 đồng và lãi 30.000.000 đồng, không đối trừ số tiền lãi 20.000.000 đồng mà ông M, bà N2 đã đóng. Lý do ông bà rút lại một phần yêu cầu trên là vì trước đây giữa ông bà với ông M, bà N2 có mối quan hệ bạn bè thân tình, hiện ông M, bà N2 đang gặp khó khăn về kinh tế. Trường hợp, nếu tính lãi theo quy định của pháp luật từ thời điểm ông M, bà N2 vay đến ngày xét xử sơ thẩm, nếu tiền lãi cao hơn số tiền lãi ông M, bà N2 đã đóng (20.000.000 đồng) và số tiền lãi ông bà yêu cầu đóng tiếp (30.000.000 đồng) thì ông bà đồng ý đối trừ tiền lãi, còn nếu cao hơn thì ông bà chỉ tính thêm tiền lãi 30.000.000 đồng.

*Tại biên bản ghi ý kiến, ông Trần Mười M trình bày:*

Ông thừa nhận vợ chồng ông có vay của vợ chồng ông D, bà N1 tổng số tiền 250.000.000 đồng, thời gian vay, thời hạn vay đúng như ông D, bà N1 trình bày, khi vay có lập hợp đồng và viết biên nhận. Tuy nhiên, đối với lãi suất thỏa thuận là 3%, không phải 2% như ông D, bà N1 trình bày. Trong quá trình vay vợ chồng ông bà đã đóng lãi cho ông D, bà N1 đầy đủ hàng tháng, các lần đóng lãi không làm biên nhận. Do ông bà chưa đối chiếu lãi với ông D, bà N1 nên ông bà đồng ý thanh toán cho ông D, bà N1 số tiền vốn 250.000.000 đồng, số tiền lãi ông sẽ đối chiếu với ông D, bà N1 và thỏa thuận sau.

Đối với bà Mai Yến N2, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Mai Yến N2 đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng bà N2 vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Mai Yến N2 và ông Trần Mười M đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông M, bà N2 là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Võ Minh D, bà Huỳnh Thị N về việc yêu cầu ông Trần Mười M và bà Mai Yến N2 thanh toán tổng số tiền 280.000.000 đồng. Trong đó, tiền vốn là 250.000.000 đồng và lãi 30.000.000 đồng, thấy rằng:

[2.1] Đối với số tiền vốn 250.000.000 đồng: Tại hợp đồng vay tài sản có công chứng ngày 03/11/2017, biên nhận nợ đề ngày 07/11/2017 và việc ông M thừa nhận vợ chồng ông có vay của ông D, bà N1 số tiền gốc 250.000.000 đồng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, việc ông D, bà N1 yêu cầu ông M, bà N2 trả số tiền gốc 250.000.000 là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với số tiền lãi 30.000.000 đồng: Ông M cho rằng trong quá trình vay, vợ chồng ông đã đóng lãi đầy đủ hàng tháng cho ông D, bà N1 nhưng ngoài lời trình bày ông M, bà N2 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình. Trong khi đó, vợ chồng ông D, bà N1 không thừa nhận việc này mà chỉ thừa nhận có nhận tiền lãi từ ông M, bà N2 số tiền lãi 20.000.000 đồng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, việc ông D, bà N1 đã nhận tiền lãi 20.000.000 đồng từ ông M, bà N2 là có cơ sở. Tại hợp đồng vay tài sản và biên nhận đề ngày 07/11/2017, đôi bên không có thỏa thuận lãi suất cụ thể, trong khi ông D, bà N1 xác định mức lãi suất cho các khoản vay trên là 2%/tháng, ông M xác định mức lãi suất là 3%/tháng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định về lãi suất: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”*. Đối chiếu với quy định trên thì mức lãi suất được áp dụng để giải quyết tranh chấp này là 10%/năm. Như vậy, số tiền lãi đối với khoản vay 200.000.000 đồng được tính như sau:  $200.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 36 \text{ tháng} 29 \text{ ngày} = 61.355.000 \text{ đồng}$ . Số tiền lãi đối với khoản vay 50.000.000 đồng được tính như sau:  $50.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 36 \text{ tháng} 25 \text{ ngày} = 15.285.000 \text{ đồng}$ . Như vậy, tổng số tiền lãi của 02 khoản vay trên là 76.640.000 đồng, trong khi ông D, bà N1 chỉ yêu cầu ông M, bà N2 đóng thêm số tiền lãi 30.000.000 đồng. Như vậy, nếu cộng thêm số tiền lãi 20.000.000 đồng mà ông M, bà N2 đã đóng thì yêu cầu tính lãi của ông D, bà N1 là có lợi cho ông M, bà N2 nên yêu cầu tính thêm tiền lãi 30.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Tại đơn khởi kiện ông D, bà N1 yêu cầu ông M, bà N2 trả cho ông bà tổng số tiền 320.600.000 đồng nhưng tại phiên tòa, ông D, bà N1 rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông M, bà N2 trả số tiền 280.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự thì việc thay đổi yêu cầu này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên có cơ sở chấp nhận việc thay đổi yêu cầu này của ông D, bà N1.

Từ những phân tích tại mục [2.1] và mục [2.2], có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, bà N1 về việc yêu cầu ông M, bà N2 trả tổng số tiền 280.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông D, bà N1 được chấp nhận nên ông D, bà N1 không phải chịu án phí. Ông M, bà N2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 14.000.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92; Điều 147; Điều 244; Điều 227 Điều 228; Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Minh D, bà Huỳnh Thị .

- Buộc ông Trần Mười M và bà Mai Yến N2 phải thanh toán cho ông Võ Minh D, bà Huỳnh Thị N số tiền 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày ông D, bà N1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng ông M, bà N2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Minh D, bà Huỳnh Thị N về việc yêu cầu ông Trần Mười M và bà Mai Yến N2 thanh toán số tiền 40.600.000 đồng (Bốn mươi triệu sáu trăm ngàn đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông M, bà N2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 14.000.000 đồng, chưa nộp. Ông D, bà N1 không phải chịu án phí. Ngày 15/10/2020 ông D, bà N1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 8.015.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (theo biên lai số 0000029) được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

**Trương Thanh Quốc**

